

Số: /BC-UBND

Lâm Đồng, ngày tháng 01 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;
Triển khai nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026**

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI NĂM 2025**

1. Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025

Trong 10 chỉ tiêu chủ yếu được Tỉnh uỷ giao tại Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 21/7/2025 và HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 có 05 chỉ tiêu vượt kế hoạch, 02 chỉ tiêu đạt kế hoạch và 03 chỉ tiêu không đạt kế hoạch, cụ thể:

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP trên địa bàn tỉnh:

- Tốc độ tăng trưởng GRDP cả năm 2025 trên địa bàn tỉnh tăng 6,42% so với cùng kỳ (kế hoạch 8%) không đạt kế hoạch; trong đó: Khu vực I (Nông, Lâm, Thủy) tăng 5,1% (kế hoạch 5,49%); Khu vực II (Công nghiệp, Xây dựng) tăng 5,54% (kế hoạch 7%); Khu vực III (Dịch vụ) tăng 8,28% (kế hoạch 10,89%); Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 4% (kế hoạch 5,78%).

(2) GRDP bình quân đầu người đạt 105,24 triệu đồng/người (3989,3 USD/người) đạt 105,2% so với kế hoạch, tăng 9,4% so với cùng kỳ (vượt kế hoạch đề ra).

(3) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 111,3 nghìn tỷ đồng tăng 6,86% so với năm 2024 (Kế hoạch tăng 11-12%, không đạt kế hoạch đề ra).

(4) Tổng thu ngân sách nhà nước đạt 31.577 tỷ đồng, tăng 12% so với kế hoạch địa phương giao, tăng 18% so với kế hoạch Trung ương giao (vượt kế hoạch đề ra).

(5) Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 ước đạt 90% (không đạt kế hoạch đề ra).

(6) Tổng số lượt khách phụ vụ là 20,733 triệu lượt khách, tăng 15,2% so với kế hoạch (Kế hoạch 18 triệu lượt khách, vượt kế hoạch đề ra).

(7) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 95% (kế hoạch 95%, đạt kế hoạch).

(8) Có 7,5 bác sĩ/vạn dân (*kế hoạch: 7,5 bác sĩ/vạn dân*); 23 giường bệnh/vạn dân (*kế hoạch: 23 giường bệnh/vạn dân, đạt kế hoạch*).

(9) Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 70,03% (*kế hoạch 70%, vượt kế hoạch*).

(10) Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm 0,87% (*kế hoạch 0,73%*); trong đó tỷ lệ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm 2,12% (*vượt kế hoạch*).

2. Kết quả thực hiện theo lĩnh vực

2.1. Lĩnh vực nông nghiệp

Nhìn chung, các hoạt động sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản, chế biến, lưu thông nông sản hoạt động ổn định, cả năm ước đạt 5,1% (*thấp hơn kế hoạch đề ra 5,49%*); trong đó:

a) Trồng trọt:

Tiến độ sản xuất dự kiến đạt và vượt kế hoạch đề ra. Các hoạt động sản xuất, chế biến, lưu thông nông sản ổn định. Tổng diện tích gieo trồng cả năm đạt hơn 1.046,9 nghìn ha (*đạt 100% KH, bằng 100,9% so năm 2024*); trong đó: diện tích cây hàng năm đạt hơn 408.030 ha (*đạt 100% KH, bằng 100,6% so năm 2024*)⁽¹⁾; cây lâu năm 638.860 nghìn ha (*đạt 100% KH, tăng 1,1% so năm 2024*)⁽²⁾. Các địa phương chủ động triển khai thực hiện công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ứng dụng các biện pháp thâm canh, chăm sóc tốt, qua đó ổn định diện tích, nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng. Năm 2025, diện tích sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đạt 107.306 ha, chiếm 10% diện tích gieo trồng toàn tỉnh⁽³⁾. Tình hình dịch bệnh trên cây trồng được kiểm soát, không phát sinh dịch hại lớn. Giá trị sản phẩm bình quân trên 01 ha đất trồng trọt ước đạt 195 triệu đồng/ha.

b) Chăn nuôi: Đẩy mạnh thực hiện các chương trình liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao trong chăn nuôi để mở rộng quy mô, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Năm 2025, tổng đàn gia súc trên toàn tỉnh khoảng 1.865,2 ngàn con (*đạt 95,6% KH, tăng 3,8% so với cùng kỳ*); đàn gia cầm ước đạt 23,09 triệu con (*đạt 134% kế hoạch; tăng 34% so với cùng kỳ*).

¹⁾ Một số cây trồng chính: Diện tích lúa 170.770 ha (*đạt 100% KH, tăng 3,7% so năm 2024*), sản lượng ước đạt 1.064.700 tấn (*đạt 100% KH, tăng 4,7% so năm 2024*); diện tích rau các loại ước đạt 101.280 ha (*đạt 100% KH, tăng 1,1% so năm 2024*), sản lượng ước đạt 3.485,1 ngàn tấn (*đạt 100% KH, tăng 2,2% so năm 2024*); diện tích hoa các loại ước đạt 11.480 ha (*đạt 100% KH, tăng 4,6% so năm 2024*), sản lượng ước đạt 4,65 tỷ cành (*đạt 100% KH, tăng 5,1% so năm 2024*).

²⁾ Một số cây trồng chính: Diện tích cà phê 323.240 ha (*đạt 100% KH, bằng 99,4% so năm 2024*), sản lượng ước đạt 1.003,84 ngàn tấn (*đạt 100,2% KH, tăng 3,1% so năm 2024*); diện tích cây điều 49.235 ha (*đạt 100% KH, bằng 99,5% so năm 2024*), sản lượng ước đạt 35.825 tấn (*đạt 100% KH, bằng 91,7% so năm 2024*); diện tích cây tiêu 37.190 ha (*đạt 100% KH, bằng xấp xỉ so năm 2024*), sản lượng ước đạt 85.190 tấn (*đạt 100% KH, tăng 1,7% so năm 2024*); diện tích cao su 74.440 ha (*đạt 100% KH, tăng 1,7% so năm 2024*), sản lượng ước đạt 120.910 tấn (*đạt 100% KH, tăng 12,2% so năm 2024*); diện tích sầu riêng 42.620 ha (*đạt 97% KH, bằng 100,5% so năm 2024*), sản lượng ước đạt 266.740 tấn (*đạt 100% KH, tăng 1,7% so cùng kỳ*); thanh long 25.980 ha (*đạt 100% KH, bằng xấp xỉ so năm 2024*), sản lượng ước đạt 613.050 tấn (*đạt 100% KH, tăng 9,2% so năm 2024*).

³⁾ Trong đó, nông nghiệp thông minh 1.200 ha; đã công nhận 16 vùng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao và 09 doanh nghiệp công nghệ cao.

Công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi được triển khai đồng bộ, hiệu quả, phòng, chống dịch kịp thời, không để dịch bệnh lây lan, bảo vệ đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh.

c) *Lâm nghiệp*: Tiếp tục triển khai, thực hiện tốt công tác quản lý, giao khoán bảo vệ rừng, chăm sóc rừng trồng theo kế hoạch với diện tích đất có rừng 1.132.112 ha (gồm: 947.872 ha rừng tự nhiên và 184.240 ha rừng trồng); trong đó, đã giao khoán bảo vệ rừng 420.259,12 ha cho 14.973 hộ gia đình và 32 tổ chức. Từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã trồng 5.203,04 ha/4.980 ha rừng (đạt 104,5% KH) và 17,89 triệu cây xanh (đạt 102,7% KH). Tỷ lệ che phủ rừng được duy trì, năm 2025 ước đạt 46,78%.

Thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát các khu vực có nguy cơ cháy cao; theo dõi và thông báo kịp thời cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn toàn tỉnh; năm 2025, trên địa bàn tỉnh xảy ra 14 vụ cháy rừng, gây thiệt hại 1,21 ha rừng (giảm 29 vụ/2,99 ha so năm 2024). Tăng cường triển khai các hoạt động tuần tra, kiểm tra, truy quét các vùng trọng điểm. Từ đầu năm 2025 đến nay, toàn tỉnh đã phát hiện, lập biên bản xử lý 382 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp (giảm 362 vụ, giảm 48,6% so với cùng kỳ), diện tích rừng thiệt hại do phá rừng giảm 26,04 ha (tương đương 46,2%).

d) *Thủy sản*: Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); quản lý, ngăn chặn không để vi phạm vùng biển nước ngoài⁽⁴⁾. Tiếp tục nhân rộng các ứng dụng khoa học công nghệ trong khai thác, bảo quản sản phẩm trên tàu cá⁽⁵⁾. Tổng sản lượng khai thác thủy sản năm 2025 đạt 252.550 tấn (tăng 4,9% với cùng kỳ, đạt 101,1% KH). Tình hình nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2025 đạt 31.140 tấn (đạt 100% KH, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2024)⁽⁶⁾. Toàn tỉnh hiện có 125 hộ/139 bè/3.023 lồng nuôi; 141 cơ sở sản xuất giống thủy sản⁽⁷⁾. Sản xuất giống cá nước ngọt tiếp tục được duy trì ổn định.

đ) *Diêm nghiệp*: Từ đầu năm đến nay, điều kiện thời tiết không thuận lợi, số ngày nắng ít, ảnh hưởng đến tiến độ và năng suất muối, sản lượng muối năm 2025 ước đạt 71.020 tấn (đạt 100,03% KH, giảm 25,3% so năm 2024); chủ yếu là muối công nghiệp.

e) *Phòng chống thiên tai*:

Tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh tiếp tục diễn biến phức tạp. Cơ quan chức năng đã khẩn trương, kịp thời thực hiện các biện pháp giảm thiểu thiệt hại

⁴⁾ Ngoài 01 vụ/01 tàu/ 05 lao động vi phạm bị nước ngoài bắt giữ ngày 16/5/2025, đến nay toàn tỉnh không phát sinh thêm trường hợp tàu cá, ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài.

⁵⁾ Toàn tỉnh hiện có 14 tàu được đóng bằng vỏ thép, 16 tàu vỏ composite; có trên 800 tàu đã thực hiện cải hoán hầm bảo quản bằng vật liệu cách nhiệt và khoảng 170 tàu trang bị hầm cấp đông hiện đại. Các thiết bị điện tử hàng hải như: máy đo sâu dò cá, máy định vị, máy thông tin liên lạc đã được sử dụng phổ biến; các thiết bị như: máy dò cá ngang, radar, máy thông tin liên lạc tầm xa, điện thoại vệ tinh, các loại máy móc, thiết bị khai thác được người dân lắp đặt, sử dụng ngày càng nhiều... góp phần nâng cao hiệu quả khai thác, chất lượng và giá trị sản phẩm.

⁶⁾ Toàn tỉnh hiện có 149 cơ sở nuôi tôm thẻ chân trắng/154,58 ha diện tích mặt nước nuôi đã chuyển đổi sang công nghệ nuôi mới; có 01 cơ sở nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm được chứng nhận Global Gap, Bap và ASC với tổng diện tích 104 ha; có 107 ha nuôi cá tầm.

⁷⁾ Trong đó, có 124 cơ sở sản xuất tôm giống; 08 cơ sở sản xuất giống cá tầm và 09 cơ sở sản xuất các loài giống cá nước ngọt.

do thiên tai gây ra, đảm bảo tính mạng và của cải của nhân dân. Từ đầu năm 2025 đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 38 trận (đợt) mưa lớn kèm dông, lốc, sét, gió giật mạnh,... đã làm 17 người chết 21 người bị thương; sập, tốc mái, ngập lụt, hư hỏng ảnh hưởng đến khoảng 20.027 căn nhà; khoảng 27.785 ha cây trồng các loại bị ảnh hưởng, thiệt hại; gần 63.038 con gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi; 182ha nhà kính, nhà lưới bị tốc mái; sạt lở 6,2km bờ sông, bờ biển; 77 hạng mục công trình giao thông, thủy lợi; 565 điểm sạt lở; chìm, hư hỏng 68 tàu cá và nhiều cây xanh; 06 cổng chào bị đổ sập; 22 cột điện bị gãy đổ; xảy ra nhiều vụ sạt lở đất, gây hư hỏng một số công trình hạ tầng, cầu cống, đường.

Tập trung thực hiện công tác ứng phó, khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra; duy trì chế độ trực ban 24/24h, theo dõi chặt chẽ tình hình, diễn biến thời tiết trong khu vực, chủ động thông báo, cảnh báo kịp thời để phòng, tránh thiệt hại có thể xảy ra; đôn đốc, hướng dẫn các địa phương trong công tác phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai; kiểm soát tàu thuyền ra khơi và thông tin liên lạc thường xuyên với các tàu thuyền đang hoạt động trên biển; thường xuyên theo dõi tình hình vận hành và công tác đảm bảo an toàn hồ chứa... UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương, Sở, ban, ngành liên quan kiểm tra, xuất chi từ nguồn dự phòng Phòng, chống thiên tai để hỗ trợ kịp thời cho người dân các địa phương bị thiệt hại do thiên tai gây ra, giúp người dân sớm ổn định đời sống.

2.2. Sản xuất Công nghiệp

Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển ổn định. Năm 2025, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 4,7% so với cùng kỳ; tăng trưởng toàn ngành công nghiệp đạt 4,8% (*thấp hơn kế hoạch đề ra 6,1%*); một số sản phẩm chủ yếu có sản lượng tăng so với cùng kỳ⁽⁸⁾;

UBND tỉnh đã thường xuyên đôn đốc, tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, nhất là trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp Tân Đức, Sơn Mỹ 1, Sơn Mỹ 2. Tiếp tục thu hút các nhà đầu tư thứ cấp thực hiện đầu tư, sản xuất kinh doanh tại các khu, cụm công nghiệp. Trong năm 2025, đã thu hút và thành lập được 01 cụm công nghiệp Đa Oai; thu hút được 18 dự án vào khu công nghiệp với diện tích khoảng 57,93 ha, tổng vốn đầu tư đăng ký 1.578,23 tỷ đồng và 57,1 triệu USD. Đến nay, toàn tỉnh hiện có 15 khu công nghiệp và 67 cụm công nghiệp, thu hút 234 dự án vào khu công nghiệp (trong đó, có 56 dự án FDI) với tổng vốn đầu tư 43.997,6 tỷ đồng và 523,54 triệu USD, diện tích 743,45 ha; tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp đạt 53,72% (tỷ lệ lấp đầy đến năm 2024 đạt khoảng 34%). Nhìn chung hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp tăng so với cùng kỳ, tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP

⁸⁾ Đá vật liệu xây dựng đạt 4.269,5 ngàn m³, tăng 11,96%; rau quả chế biến đạt 37.289 tấn, tăng 18,24%; sợi các loại đạt 3.422 tấn, tăng 9,37%; sản phẩm may trang phục đạt 42.925 ngàn cái, tăng 16,29%; giày, dép thể thao đạt 6.585 ngàn đôi, tăng 81,01%; phân bón và hợp chất ni tơ đạt 124.044 tấn, tăng 18,3%; điện sản xuất đạt 34.281 triệu kWh, tăng 16,76%; oxit nhôm đạt 1.510,8 ngàn tấn, tăng 3,51% so với cùng kỳ;...

năm 2025 tăng 4,58%.

Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII ban hành kèm theo Quyết định 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 và Quyết định 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Lâm Đồng (mới) được phê duyệt 39 dự án nguồn điện với tổng công suất 8.166,51 MW⁽⁹⁾. Ngày 15/4/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 768/QĐ-TTg về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tạo thuận lợi khi thực hiện các dự án điện trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành tập trung thực hiện nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án điện, năng lượng trên địa bàn tỉnh, như Trung tâm điện lực Sơn Mỹ (NMNĐ BOT Sơn Mỹ I, BOT Sơn Mỹ II tổng công suất 4.500 MW); dự kiến cuối năm sẽ đưa vào vận hành thương mại Nhà máy thủy điện Đa Br'Len (công suất 6,2 MW). Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, xây dựng, nghiệm thu các dự án Nhà máy điện mặt trời, điện gió, đảm bảo các dự án đi vào vận hành và phát triển thương mại trong năm 2025. Phối hợp các bộ, ngành giải quyết tháo gỡ dứt điểm các vướng mắc, khó khăn cho các dự án điện năng lượng tái tạo trên đất khu vực dự trữ khoáng sản titan quốc gia và các dự án chồng lấn với quy hoạch bô xít⁽¹⁰⁾. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 110 dự án nguồn điện đang hoạt động với tổng công suất 9.080,1 MW⁽¹¹⁾.

2.3. Thương mại, dịch vụ

Lĩnh vực thương mại dịch vụ hoạt động ổn định, tăng trưởng khá đạt 8,28% (*thấp hơn kế hoạch đề ra 10,8%*), trong đó:

a) Thương mại

Nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ, du lịch tăng cao, đặc biệt trong các dịp Lễ Tết, các sự kiện, kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2025 đạt 261.381 tỷ đồng, tăng 16,2% so với cùng kỳ, đạt 102,6% (*kế hoạch 254.534 tỷ đồng*).

Hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển; cung ứng sản phẩm, hàng hóa đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng của người dân. Đến nay, toàn tỉnh có 260 chợ⁽¹²⁾, 6 trung tâm thương mại (*trong đó có 01 Trung tâm thương mại Kiến Đức, huyện Đăk R'Lấp hoàn thiện giai đoạn 1, đang thực hiện*

⁹⁾ Cụ thể: 11 dự án thủy điện với tổng công suất 193 MW; 20 dự án điện gió với tổng công suất 1.155,9 MW; 03 dự án điện mặt trời công suất 263,61 MW; 02 dự án nhiệt điện LNG với công suất 4.500 MW; 01 dự án nhiệt điện than với công suất 1.980 MW; 02 dự án điện rác với công suất 20MW.

¹⁰⁾ Đối với các dự án điện gió chồng lấn quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng bô xít và nhóm (14) dự án điện năng lượng tái tạo có khuyết điểm, vì phạm xây dựng trên đất khu vực khoáng sản titan: đến nay, Chủ đầu tư các dự án điện gió đã hoàn thiện báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội giữa việc thực hiện các dự án điện gió với việc khai thác khoáng sản. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có công văn số 3960/UBND-NNMT ngày 23/9/2025 về việc báo cáo kết quả đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia và việc đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội các dự án điện gió nằm trong quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

¹¹⁾ Trong đó: thủy điện 65 dự án với công suất 3.194,8 MW; 11 dự án điện gió có công suất 404,2 MW; 28 dự án điện mặt trời tập trung có công suất 1.157,1 MW; 04 dự án nhiệt điện có công suất 4.314 MW; 01 dự án nhiệt điện Diesel có công suất 10 MW).

¹²⁾ Gồm: 10 chợ hạng 1; 21 chợ hạng 2; 197 chợ hạng 3; 20 chợ tạm và 12 điểm kinh doanh tự phát.

giai đoạn 2), 07 siêu thị, hàng chục ngàn cơ sở kinh doanh thương mại (tạp hóa, cửa hàng tiện lợi...) và 856 cửa hàng bán lẻ xăng dầu, 11 tàu dầu và 02 kho xăng dầu. Có 05 sàn thương mại điện tử, 03 ứng dụng (apps) cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, 409 website bán hàng, 08 ứng dụng (apps) bán hàng của doanh nghiệp đã được Bộ Công Thương xác nhận.

b) Xuất, nhập khẩu

Kim ngạch xuất khẩu năm 2025 ước đạt 3.235 triệu USD, tăng 14,6% so với cùng kỳ, đạt 100,09% kế hoạch (*kế hoạch 3.232 triệu USD*). Đa số các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh đều tăng trưởng khá so với cùng kỳ⁽¹³⁾.

Kim ngạch nhập khẩu năm 2025 ước đạt 2.310 triệu USD, tăng 13,75% so với cùng kỳ năm trước và đạt 100% kế hoạch năm 2025 (*kế hoạch 2.310 triệu USD*).

c) Du lịch

Lĩnh vực du lịch tiếp tục là điểm sáng trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong năm 2025. Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch có nhiều đổi mới (*số hóa điểm đến, hợp tác quốc tế và tham gia các sự kiện lớn trong nước và nước ngoài...*) và đạt được hiệu quả cao. Trong năm, đã tập trung đầu tư, khai thác và đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm du lịch, góp phần nâng cao sức hút điểm đến, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách trong và ngoài nước; phát triển đồng bộ các loại hình du lịch chủ lực và tiềm năng như: du lịch nghỉ dưỡng, thể thao biển; du lịch sinh thái, cộng đồng, nông nghiệp (canh nông), rừng - biển - đồi cát; du lịch văn hóa - tâm linh - lễ hội; du lịch thể thao mạo hiểm; du lịch MICE; du lịch khám phá đảo (*đặc biệt tuyến ra đảo Phú Quý*); du lịch chăm sóc sức khỏe. Nhiều sản phẩm và điểm đến mới đã được hình thành như: các bãi biển và công viên giải trí ven biển (*Circus Land, Wonderland, Dino Park...*), các vườn trái cây, trang trại nông nghiệp, làng nghề truyền thống; các điểm du lịch sinh thái đặc sắc ở khu vực cao nguyên Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch tiếp tục được quan tâm đầu tư, cải tạo, nâng cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách⁽¹⁴⁾.

Tổng khách đến tham quan nghỉ dưỡng tại Lâm Đồng trong năm 2025 đạt 20,733 triệu lượt khách (*tăng 18% so với cùng kỳ*), tăng 15,2% so với kế hoạch; trong đó có 1,287 triệu lượt khách quốc tế (*tăng 39,7% so với cùng kỳ*). Số ngày khách lưu trú ước đạt 38,145 triệu lượt khách. Doanh thu từ du lịch ước đạt 56.610 tỷ đồng.

¹³⁾ Tăng so cùng kỳ: Alumin và Hydroxit nhôm đạt 645 triệu USD, tăng 13,56%; cà phê nhân đạt 630 triệu USD, tăng 31,46%; rau, củ, trái cây các loại đạt 155 triệu USD, tăng 25,8%; tiêu đạt 103 triệu USD, tăng 9,44%; điều đạt 295 triệu USD, tăng 60,7%; hoa tươi các loại đạt 87 triệu USD, tăng 17,34%; chè chế biến đạt 14 triệu USD, tăng 4,6%; cao su đạt 36,1 triệu USD, tăng 90,2%; hàng may mặc và nguyên liệu dệt may đạt giá trị 424,4 triệu USD, tăng 10,58%; mặt hàng giày, dép các loại đạt 185,5 triệu USD, tăng 61,63% so với cùng kỳ. Mặt hàng xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: mặt hàng thủy sản đạt 195,3 triệu USD, giảm 13,7%; ván MDF đạt 26 triệu USD, giảm 22,6%.

¹⁴⁾ Đến nay, toàn tỉnh hiện có 4.217 cơ sở lưu trú du lịch với tổng số 66.185 phòng; trong đó có 1.382 khách sạn từ 1-5 sao với 20.301 phòng. Có 99 khu, điểm du lịch, điểm tham quan, trong đó có 30 khu, điểm du lịch đã được UBND tỉnh công nhận (gồm: 02 khu du lịch quốc gia, 04 khu du lịch cấp tỉnh và 24 điểm du lịch phục vụ nhu cầu tham quan, giải trí của du khách).

2.4. Đầu tư phát triển và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

a) *Đầu tư phát triển*: Ngay từ đầu năm, tỉnh đã tập trung chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương thực hiện quyết liệt, nghiêm túc, đồng bộ các giải pháp giải ngân vốn đầu tư công năm 2025; chỉ đạo các chủ đầu tư xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng công trình, chủ động tháo gỡ khó khăn để triển khai thi công các công trình, dự án theo tiến độ đề ra; tập trung nguồn lực giải phóng mặt bằng để bàn giao mặt bằng, triển khai thi công. Thường xuyên kịp thời nắm bắt và giải quyết ngay các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện của các dự án, nhất là các công trình trọng điểm của tỉnh. Thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn năm 2025 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, kịp thời điều chuyển vốn các dự án chưa hoàn thành thủ tục đầu tư hoặc chậm triển khai để bố trí cho công trình khác. Đến nay, tổng số vốn giải ngân kế hoạch năm 2025 đạt 62,2% kế hoạch (*nếu không tính kế hoạch vốn mới giao 3.438 tỷ đồng (bao gồm Cao tốc Bảo Lộc – Liên Khương 2500 tỷ; xây dựng 2 trường học biên giới 114 tỷ; vốn Khoa học công nghệ 312 tỷ; 511 tỷ bố trí thu hồi tạm ứng)* thì lũy kế giải ngân **đạt 70,1%**), dự kiến giải ngân cả năm đạt 90%.

b) *Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm*: Các công trình trọng điểm được Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị có liên quan triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Ngày 29/6/2025, đã tổ chức Lễ khởi công dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc đoạn Bảo Lộc - Liên Khương theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1) với tổng mức đầu tư khoảng 17.718 tỷ đồng, chiều dài khoảng 73,62 km. Triển khai thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư phục vụ dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương và Gia Nghĩa - Chơn Thành; hồ Thủy lợi (Hồ chứa nước Ka Pét, hồ chứa nước KaZam,...); khởi công dự án cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc, tổ chức Lễ khánh thành đưa vào hoạt động Dự án nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Đăk Nông (ngày 19/12/2025); triển khai các thủ tục cần thiết để khởi công xây dựng các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định canh, tái định cư phục vụ thi công 03 tuyến cao tốc. Chuẩn bị các nội dung để nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Liên Khương từ cấp 4D lên 4E... Ngày 13/12/2025, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Cảng hàng không Phan Thiết – hạng mục hàng không dân dụng, hiện nay, đang thực hiện các thủ tục liên quan đến đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để triển khai thực hiện sớm đưa dự án đi vào hoạt động....

c) *Các Chương trình mục tiêu quốc gia*:

- Chương trình xây dựng nông thôn mới: Trước sáp nhập cấp xã, toàn tỉnh có 230/259 xã nông thôn mới, đạt 88,8%; 61/259 xã nông thôn mới nâng cao, đạt 23,6%; 20/259 xã nông thôn mới kiểu mẫu, đạt 7,7%; 8/28 huyện/thị xã, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đạt 28,6%. Sau sáp nhập chính quyền địa phương 02 cấp, toàn tỉnh có 80/103 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 77,7%; 03 xã nông thôn mới nâng cao,

đạt 2,9% và 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu, đạt 0,97%. Tổng kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm vốn các năm trước được kéo dài thực hiện trong năm 2025) thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh khoảng 1.128.577 triệu đồng (trong đó, vốn đầu tư phát triển 875.484 triệu đồng; vốn sự nghiệp 253.093 triệu đồng); đến nay, giải ngân khoảng 600.916 triệu đồng, đạt 53,2% kế hoạch vốn; ước thực hiện và giải ngân đến hết 2025 khoảng 70%.

- Chương trình giảm nghèo bền vững: Tiếp tục tuyên truyền, vận động, lồng ghép các chương trình, dự án, xây dựng các mô hình giảm nghèo; triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo quy định. Tổng vốn đầu tư thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững năm 2025 là 265,676 triệu đồng⁽¹⁵⁾.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: tiếp tục triển khai thực hiện tốt chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021-2030, đảm bảo theo kế hoạch đề ra. Tổng vốn đầu tư công bố trí năm 2025 là 1.206.567 triệu đồng (trong đó: Vốn đầu tư là 795.295 triệu đồng; Vốn sự nghiệp là 411.272 triệu đồng).

2.5. Phát triển kinh tế tư nhân và thu hút vốn đầu tư

a) Tình hình đăng ký kinh doanh

Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 100%. 100% hồ sơ đã được giải quyết đúng và trước hạn trên hệ thống ĐKKD quốc gia.

Năm 2025, toàn tỉnh có khoảng 4.350 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký hơn 24.000 tỷ đồng, tăng 83% về số doanh nghiệp, tăng 24,6% vốn đăng ký so với cùng kỳ; có 1.735 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, tăng 12,8% so với cùng kỳ; 840 doanh nghiệp giải thể, tăng 70%; 838 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 22,5% so cùng kỳ.

b) Tình hình thu hút đầu tư

UBND tỉnh bám sát chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các nội dung tại Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân để khẩn trương tham mưu xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, xác định các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình, phân công cụ thể để triển khai thực hiện. Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1852/KH-UBND ngày 19/8/2025 thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ.

¹⁵⁾ Cụ thể: Vốn đầu tư phát triển 92,263 tỷ đồng (khu vực I: 3 tỷ đồng; khu vực III: 89,263 tỷ đồng); Vốn sự nghiệp kinh tế 173,413 tỷ đồng (khu vực I: 74,670 tỷ đồng; khu vực II: 49,536 tỷ đồng; khu vực III: 49,207 tỷ đồng).

Ngày 29/8/2025, UBND tỉnh Lâm Đồng tổ chức Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp năm 2025 theo hình thức trực tiếp và trực tuyến tại 02 điểm cầu (Hội trường UBND tỉnh Đăk Nông (cũ) và Hội trường UBND tỉnh Bình Thuận (cũ)) với số lượng đại biểu khoảng 1.500 đại biểu nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ của những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025.

Hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá về tiềm năng thế mạnh và dự án kêu gọi đầu tư, chính sách thu hút đầu tư của tỉnh đã được quan tâm đẩy mạnh, trong đó ưu tiên đối với các dự án đầu tư phát triển các ngành kinh tế động lực, các ngành khai thác các lợi thế của tỉnh; thu hút các tập đoàn, các công ty xuyên quốc gia, đa quốc gia trong và ngoài nước; có định hướng, chiến lược phát triển mở rộng thị trường, cam kết đầu tư lâu dài. Tổ chức thành công hội nghị xúc tiến đầu tư vào tỉnh Lâm Đồng năm 2025 (ngày 12/10/2025); qua đó, tỉnh đã công bố danh mục dự án trọng điểm, ký kết hợp tác với nhiều nhà đầu tư, tập đoàn lớn và khẳng định cam kết đồng hành cùng doanh nghiệp, xây dựng môi trường đầu tư minh bạch, thông thoáng, hiệu quả.

Năm 2025, đã thu hút 48 dự án đầu tư ngoài ngân sách, với tổng vốn đăng ký đầu tư 19.384,34 tỷ đồng và diện tích 805,82 ha (trong đó, có 06 dự án FDI, với vốn đầu tư đăng ký 1.089,32 tỷ đồng, tương đương 47,36 triệu USD). Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có 2.927 dự án đầu tư còn hiệu lực hoạt động với tổng vốn đầu tư là 2.009.973 tỷ đồng, diện tích 71.209,99 ha.

2.6. Tài chính, ngân hàng

a) *Thu, chi ngân sách*: Thu ngân sách năm 2025 ước đạt 31.577 tỷ đồng tăng 12% so với kế hoạch địa phương giao, tăng 18% so với kế hoạch Trung ương giao; trong đó, thu từ tiền sử dụng đất khoảng 3,903 tỷ đồng; Thu từ xổ số kiến thiết khoảng 4.815 tỷ đồng.

Công tác quản lý chi ngân sách địa phương cơ bản đã thực hiện đảm bảo được các khoản chi theo dự toán được giao. Các đơn vị, các ngành, các cấp đã thực hiện quản lý, điều hành chi trong phạm vi dự toán được giao, thực hiện tiết kiệm chi, đảm bảo đúng định mức, chế độ quy định; góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Chi ngân sách địa phương năm 2025 đạt 51.044 tỷ đồng.

b) *Ngân hàng*: Các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng tiếp tục thực hiện các chính sách tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; các chính sách tín dụng nhằm hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Đến tháng 12/2025 vốn huy động đạt 225.000 tỷ đồng tăng 15% so với cùng kỳ; dư nợ của các tổ chức tín dụng đạt 373.000 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ.

2.7. Công tác Quy hoạch, xây dựng, tài nguyên, môi trường

a) Quy hoạch, xây dựng

Tiếp tục triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh và Kế hoạch triển khai Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đồng thời, tập trung nguồn lực để điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo tận dụng tối đa tiềm năng và lợi thế của tỉnh Lâm Đồng (sau sáp nhập), khắc phục được những điểm nghẽn, mở ra không gian phát triển mới. Đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và tổ chức triển khai các Quy hoạch ngành, lĩnh vực: quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất... đảm bảo phù hợp với các Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng và các quy hoạch cấp trên.

Triển khai rà soát, tổ chức lập/điều chỉnh quy hoạch các đô thị trên địa bàn tỉnh¹⁶⁾. Tập trung triển khai lập các Quy chế quản lý kiến trúc đô thị: Đã lập và phê duyệt 03 quy hoạch chung đô thị, 05 Quy chế quản lý kiến trúc đô thị và 18 quy hoạch chung xây dựng xã trước khi sáp nhập¹⁷⁾. Tỷ lệ đô thị hóa bình quân đạt 35,10%; quy hoạch chung đô thị (các phường) đạt 80%. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch và trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục rà soát quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn toàn tỉnh, tổng hợp đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhu cầu sử dụng đất mới, đảm bảo nhu cầu sử dụng đất phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội gắn đảm bảo quốc phòng, an ninh, phù hợp với định hướng, nhu cầu phát triển của tỉnh trong thời gian tới, ưu tiên phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các dự án công nghệ cao, dự án xử lý môi trường, công trình năng lượng. Rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả rà soát các khó khăn, vướng mắc liên quan đến Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản.

¹⁶⁾ Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Gia Nghĩa đến năm 2045 (đã được phê duyệt); đồ án quy hoạch chung đô thị Đăk R'lấp (đã được phê duyệt); đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2045 (đã trình Bộ Xây dựng thẩm định); Quy hoạch chung thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận đến năm 2040 (đã được phê duyệt và tổ chức cắm mốc giới đồ án); đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 (đã trình Bộ Xây dựng thẩm định), đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 (đã trình Bộ Xây dựng thẩm định), đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Phú Quý (đã được phê duyệt), đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Phan Thiết, đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân (đã được phê duyệt), 03 Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng khu du lịch: Khu du lịch Cổ Thạch - Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, Khu du lịch ven biển Tân Thắng - Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Khu du lịch ven biển Tân Thuận - Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam (đã được phê duyệt), đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng các khu công nghiệp: Khu công nghiệp Sơn Mỹ 1, Khu công nghiệp Sơn Mỹ 2, Khu công nghiệp Tân Đức, huyện Hàm Tân (đã được phê duyệt), phụ kìn quy hoạch phân khu các phường thuộc thành phố Phan Thiết và thị xã La Gi.

1) Khu vực I: Phê duyệt 05 Quy chế quản lý Kiến trúc đô thị ((1) Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Đa M'ri, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 20/6/2025; (2) Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng Quyết định số 40/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025; (3) Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Lộc Thắng, tỉnh Lâm Đồng Quyết định số 39/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025; (4) Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025; (5) Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Thanh Mỹ, tỉnh Lâm Đồng Quyết định số 38/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025)

Khu vực II: Quy hoạch chung đô thị mới Phú Quý phê duyệt tại Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 19/06/2025. Phê duyệt điều chỉnh 02 quy hoạch phân khu đô thị (Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận Quyết định số 4947/QĐ-UBND ngày 27/6/2025; Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Lạc Đạo, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận Quyết định số 4959/QĐ-UBND ngày 27/6/2025); UBND huyện cũ phê duyệt 16 quy hoạch chung xây dựng xã trước sáp nhập.

Khu vực III: Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Gia Nghĩa, Đăk Nông đến năm 2045 Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 26/6/2025; Quy hoạch chung đô thị Đăk R'lấp Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 28/3/2025; UBND huyện cũ phê duyệt 02 quy hoạch chung xã.

Tiếp tục tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng; tập trung triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị gắn với việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính. Đồng thời, thường xuyên rà soát, kịp thời xử lý tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quản lý đất đai, tăng cường triển khai công tác quản lý xây dựng và trật tự đô thị trên địa bàn tỉnh và công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên khoáng sản; tiếp tục quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch.

b) Tài nguyên và Môi trường

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, khoáng sản; rà soát, xử lý tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quản lý đất đai; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc xác định giá đất; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về đất đai khi tổ chức mô hình chính quyền 02 cấp và bộ máy tỉnh Lâm Đồng mới đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025. Tiếp tục rà soát, phê duyệt điều chỉnh và triển khai dự án Hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai đối với các đơn vị hành chính cấp xã mới, đưa hệ thống hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai của các đơn vị hành chính cấp xã vào cơ sở dữ liệu đất đai của quốc gia và vận hành, khai thác, chia sẻ, kết nối đồng bộ với các ngành khác.

Triển khai kiểm soát, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn của các tổ chức, các nhân. Tập trung tham mưu phê duyệt và triển khai các kế hoạch đấu giá khai thác khoáng sản; tiếp tục rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong khai thác khoáng sản, nhất là khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ các dự án quan trọng, trọng điểm của tỉnh và quốc gia.

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải được thực hiện tốt; hình thành hệ thống thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn đến cấp xã, phường. Ước đến cuối năm 2025, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn ở đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90,15%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn ở nông thôn bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt trên 70%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 92,31%.

Công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển được tăng cường⁽¹⁸⁾. Hành lang bảo vệ bờ biển đã được UBND tỉnh phê duyệt⁽¹⁹⁾. Quản lý sử dụng, khai thác tài nguyên biển được thực hiện hiệu quả, chặt chẽ theo quy định; giải quyết kịp thời, đầy đủ, đúng quy định các thủ tục hành chính. Từng bước kiểm soát chặt chẽ môi trường biển, hoàn thành Dự án Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường

¹⁸⁾ UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 3892/KH-UBND ngày 22/9/2025 triển khai thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

¹⁹⁾ Tại Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh Bình Thuận (nay là tỉnh Lâm Đồng) về phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh, với 54 khu vực (chiếm 48%) tổng chiều dài bờ biển của tỉnh với đầy đủ các tiêu chí: đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển, giảm thiểu sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo vệ hệ sinh thái.

biển và hải đảo⁽²⁰⁾.

Công tác quản lý nhà nước về đất đai được tăng cường, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong quản lý đất đai. Tiếp tục tổ chức triển khai, thi hành Luật Đất đai năm 2024. Tập trung thực hiện công tác tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn các địa phương thực hiện phân cấp, phân quyền lĩnh vực được giao theo Nghị định số 136/2025/NĐ-CP, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan; Đã cử 131 công chức, viên chức cấp tỉnh tăng cường về hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã để thực hiện hỗ trợ tiếp nhận hồ sơ đất đai theo thẩm quyền, hướng dẫn người dân hoàn thiện hồ sơ để giải quyết nhanh chóng hồ sơ thủ tục hành chính, giảm thiểu thời gian đi lại và chi phí cho người dân; tổ chức Hội nghị hướng dẫn, tập huấn, hỗ trợ các địa phương trong toàn tỉnh triển khai các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đất đai; ban hành nhiều văn bản hướng dẫn chính quyền cấp xã tháo gỡ, giải quyết khó khăn, vướng mắc liên quan đến lĩnh vực đất đai; Tập trung xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và hồ sơ địa chính; đến nay, đã xây dựng lưới địa chính 4.844 điểm; đo đạc thành lập mới bản đồ địa chính 661.207 ha; đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính 15.911 ha, 110.618 thửa; chuyển hệ tọa độ về hệ tọa độ VN-2000 658 mảnh bản đồ; cấp Giấy chứng nhận 1.169.458 thửa; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính 1.380.924 thửa; hiện đang thực hiện việc hợp nhất hệ thống CSDL địa chính của 03 tỉnh trước sáp nhập để vận hành theo mô hình hai cấp (*tích hợp theo địa giới hành chính mới của 124 xã, phường, đặc khu*); tập trung thực hiện hoàn thành việc di chuyển, hợp nhất dữ liệu về Hệ thống thông tin chuyên ngành dùng chung do tỉnh quản lý sau khi sáp nhập. Tăng cường đẩy nhanh tiến độ tham mưu xây dựng Bảng giá đất lần đầu của tỉnh Lâm đồng để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026⁽²¹⁾. Triển khai Chiến dịch 90 ngày “làm giàu, làm sạch” cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2.8. Về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe nhân dân

a) Văn hoá, thể thao

Công tác tuyên truyền gắn với tổ chức các hoạt động văn hóa - nghệ thuật chào mừng ngày lễ lớn, sự kiện chính trị của đất nước và địa phương được quan tâm thực hiện: tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân Ất Ty 2025; Lễ hội Giỗ Tổ Hùng Vương; Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước 30/4 và Quốc tế Lao động 01/5; Kỷ niệm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5); Chương trình Ngày Văn hóa Lâm Đồng tại Hà Nội - năm 2025; Kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám (19/8/1945 - 19/8/2025) và Quốc khánh Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025) với chủ đề “Âm vang ngày độc lập”; Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam (19/8/1945 - 19/8/2025) và 20 năm Ngày hội Toàn dân bảo vệ an ninh

²⁰⁾ Đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 30/6/2025.

²¹⁾ UBND tỉnh đã phê duyệt dự án xây dựng bảng giá đất tại Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 30/9/2025.

Tổ quốc (19/8/2005 - 19/8/2025). Đặc biệt, đã tuyên truyền đậm nét các hoạt động, nội dung phục vụ Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích đạt nhiều kết quả tích cực. Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông từng bước được quan tâm, đầu tư, khai thác. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có 144 di tích các loại⁽²²⁾ tạo nên một tiềm năng du lịch văn hóa to lớn, cần được tiếp tục đầu tư và phát triển bền vững. Phối hợp với Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên thăm dò khảo cổ tại Hang Tà Đùng, thuộc Bon S'rê, xã Đắk Som, huyện Đắk Glong. Triển khai xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể lần thứ Tư.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” được Nhân dân tích cực tham gia; xây dựng, phát triển nhiều mô hình, điển hình tiên tiến trong việc thực hiện phong trào. Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

Các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng được tổ chức thường xuyên và diễn ra rộng khắp, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia tập luyện, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, thể chất và tinh thần. Tổ chức, phối hợp tổ chức thành công 20 giải, hội thao cấp tỉnh; triển khai 06 lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ thể dục thể thao; đăng cai tổ chức 04 giải quốc gia. Thể thao thành tích cao từ đầu năm đến thời điểm báo cáo, đã tham gia 136 giải thể thao quốc gia, đạt 757 huy chương⁽²³⁾, trong đó giải quốc tế đạt 47 huy chương quốc tế⁽²⁴⁾.

b) Giáo dục - Đào tạo

Công tác dạy, học và quy mô mạng lưới trường lớp học ngày càng nâng cao, đảm bảo đạt chuẩn về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để phát triển giáo dục. Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện, từng bước đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành giáo dục trong giai đoạn mới; đặc biệt chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc được quan tâm, chú trọng. Hoàn thành đầy đủ chương trình, kiểm tra, đánh giá cuối năm học 2024 - 2025; Tổ chức thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT 2025 cho học sinh trên địa bàn; công tác tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2025-2026, tuyển sinh đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp năm 2025 được triển khai theo đúng kế hoạch. Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia năm 2025 đạt 70,03%.

Tổ chức kiểm tra, tư vấn công tác sửa chữa, chỉnh trang cơ sở vật chất, trường, lớp học; bổ sung trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, đảm bảo khuôn viên, cảnh quan môi trường sư phạm xanh - sạch - đẹp, an toàn chuẩn bị cho khai giảng năm học 2025 - 2026 tại các cơ sở giáo dục.

Triển khai các chủ trương của Đảng về phát triển giáo dục trong giai đoạn

²²⁾ 03 di tích quốc gia đặc biệt; 59 di tích cấp quốc gia; 82 di tích cấp tỉnh.

²³⁾ 191 HCV, 206 HCB, 360 HCD.

²⁴⁾ 14 HCV, 19 HCB, 14 HCD.

tới, từ năm học 2025-2026, học sinh công lập từ mầm non đến THPT trên cả nước được miễn học phí; hỗ trợ tiền ăn trưa và một số chính sách đối với trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên, giáo viên mầm non ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, cũng như các cơ sở giáo dục có trẻ em, học sinh hưởng chính sách theo quy định. Triển khai xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới theo kế hoạch đề ra.

c) Y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân tiếp tục được chú trọng; các cơ sở khám chữa bệnh bảo đảm thường trực cấp cứu, bảo đảm đầy đủ thuốc men, hóa chất, phương tiện phục vụ khám chữa bệnh của người dân. Công tác khám chữa bệnh có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị được triển khai thực hiện, các bệnh viện của tỉnh đã giải quyết được các bệnh lý phức tạp, chuyên sâu góp phần hạn chế chuyển bệnh nhân lên tuyến trên và từng bước phát triển các dịch vụ y tế chuyên sâu. Hệ thống y tế cơ sở từng bước được củng cố và kiện toàn để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, cơ bản đáp ứng được nhu cầu cải thiện sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Tình hình bệnh dịch lưu hành tại địa phương cũng như các dịch bệnh truyền nhiễm mới được cơ bản được kiểm soát; công tác phòng, phòng chống dịch bệnh được chủ động triển khai thường xuyên; các bệnh dịch lưu hành tại địa phương như: Sốt rét, dịch hạch đã được khống chế và đẩy lùi; quản lý tốt các bệnh truyền nhiễm như lao, phong, HIV; các hoạt động quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm trong cộng đồng như đái tháo đường, tăng huyết áp, ung thư được triển khai rộng khắp tại 124/124 xã phường, đặc khu; thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn thực phẩm cho người dân trên địa bàn và du khách đến Lâm Đồng.

Năm 2025 toàn tỉnh có 7,5 bác sĩ/vạn dân, 23 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế đạt 95%.

d) Tình hình đào tạo nghề, giải quyết việc làm

Năm 2025, tiếp nhận, giải quyết và cấp 400 giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài, cấp 300 giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định.

Thực hiện giám sát việc quản lý sử dụng lao động người nước ngoài làm việc sau khi cấp giấy phép lao động tại 10 doanh nghiệp; kiểm tra công tác quản lý, sử dụng lao động người nước ngoài làm việc tại 04 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2025. Tổ chức 03 lớp tập huấn/03 cụm tuyên truyền các quy định về quản lý, tuyển dụng lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và triển khai dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh

Năm 2025 dự kiến có khoảng 69.900 lao động được giải quyết việc làm, tăng 1,7% so với cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch; đưa 1.410 lao động đi làm việc

có thời hạn ở nước ngoài.

e) Công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội, chính sách người có công

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo; tổ chức thăm hỏi, trợ cấp, hỗ trợ cho các đối tượng người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, các hộ nghèo, gia đình chính sách. Tổ chức tốt các giải pháp cụ thể trợ giúp hộ nghèo ổn định sản xuất và phát triển sản xuất. Đến hết năm 2025, tổng số hộ nghèo đa chiều toàn tỉnh 28.512 hộ, chiếm tỷ lệ 3,19% số hộ toàn tỉnh (giảm khoảng 0,87% so cuối năm 2024); riêng số hộ nghèo đa chiều đồng bào dân tộc thiểu số toàn tỉnh 13.705 hộ, chiếm tỷ lệ 8,75% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số toàn tỉnh (giảm khoảng 2,12% so cuối năm 2024).

Thực hiện tốt công tác bảo trợ xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới; đảm bảo 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng chính sách trợ giúp xã hội theo quy định. Các chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng quy định với tổng số hồ sơ đối tượng đang quản lý là 92.625 đối tượng, trong đó: chi trả trợ cấp hàng tháng 19.508 đối tượng, với số tiền trên 62 tỷ đồng/tháng. Thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình người có công và thân nhân người có công với cách mạng dịp tết nguyên đán và các ngày lễ theo quy định với tổng số 93.742 xuất với số tiền 122.053.086.000 đồng.

Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát: Hoàn thành công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2025; toàn tỉnh Lâm Đồng (mới) đã thực hiện hoàn thành 5.691/5.691 căn (xây mới 4.328 căn, sửa chữa 1.363 căn), đạt 100% kế hoạch; cụ thể như sau:

- Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát do Thủ tướng Chính phủ phát động trên phạm vi cả nước: Đã hoàn thành xây mới, sửa chữa 3.862 căn nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (xây mới: 2.871 căn, sửa chữa: 991 căn), đạt 100% KH, kinh phí thực hiện 201.660 triệu đồng.

- Từ các Chương trình mục tiêu quốc gia: Đã triển khai hoàn thành 1.118 căn/1.118 căn (xây mới 1.063 căn, sửa chữa 55 căn), đạt 100% kế hoạch.

- Từ Đề án hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ: đến nay, đã hoàn thành 429 căn (xây mới 112 căn, sửa chữa 317 căn), đạt 100% kế hoạch; kinh phí thực hiện 26.720 triệu đồng⁽²⁵⁾.

- Từ chương trình hỗ trợ nhà ở khác: Đã xây dựng hoàn thành 282 căn

²⁵⁾ Khu vực 1 (Lâm Đồng cũ): Hoàn thành 118/118 căn (xây mới: 41 căn, sửa chữa 77 căn), mức hỗ trợ xây mới 120 triệu đồng/căn, sửa chữa 60 triệu đồng/căn; Khu vực 2 (Bình Thuận cũ): Hoàn thành 208/208 căn (xây mới 51 căn, sửa chữa 157 căn), mức hỗ trợ xây mới 100 triệu đồng/căn, sửa chữa 50 triệu đồng/căn; Khu vực 3 (Đắk Nông cũ): Hoàn thành 56/103 căn (xây mới 20 căn, sửa chữa 83 căn), mức hỗ trợ xây mới 60 triệu đồng/căn, sửa chữa 30 triệu đồng/căn.

(xây mới 282 căn) cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo⁽²⁶⁾, đạt 100% kế hoạch; kinh phí thực hiện 16.920 triệu đồng (60 triệu/căn xây mới).

Triển khai thần tốc Chiến dịch Quang Trung xây dựng mới, sửa chữa nhà ở cho các gia đình có nhà bị thiệt hại do các đợt thiên tai mưa lũ gây ra²⁷. Tính đến ngày 29/12/2025, đã xây dựng hoàn thành 9/38 căn phải xây dựng lại, sửa chữa xong 81/85 căn, đang tiến hành sửa chữa 04 căn²⁸.

2.9. Phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số

Hoạt động khoa học và công nghệ đã được triển khai toàn diện, bám sát chủ trương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nghị quyết của Tỉnh ủy và UBND tỉnh. Đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được đẩy mạnh; đặc biệt, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thường xuyên được rà soát, cập nhật và cung cấp kịp thời.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của tỉnh đảm bảo kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu với các CSDL quốc gia, hệ thống thông tin của các bộ, ngành trung ương; hoàn thiện chức năng số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, tái sử dụng kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa. Thường xuyên điều chỉnh, cấu hình, đồng bộ các TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC để đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả theo tổ chức bộ máy sau khi được sắp xếp. Tổ chức khảo sát đánh giá hiện trạng về hạ tầng và nhân lực công nghệ thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu và một số xã, phường trên địa bàn tỉnh; đảm bảo xử lý thông suốt hồ sơ, thủ tục cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình sắp xếp.

Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ... được triển khai có hiệu quả nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, áp dụng công nghệ mới, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh. Triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao, nhân rộng kết quả đề tài, dự án khoa học công nghệ. Đến nay, đã cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp Khoa học và công nghệ cho 03 doanh nghiệp; nâng tổng số doanh nghiệp Khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh lên 14 doanh nghiệp.

²⁶⁾ Theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh Đắk Nông về phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (dưới 36 tháng) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đủ điều kiện hỗ trợ xây dựng nhà ở từ nguồn kinh phí xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

²⁷⁾ Có 38 ngôi nhà bị sập, đổ, trôi, buộc phải xây dựng lại; 85 ngôi nhà bị hư hỏng cần được sửa chữa.

²⁸⁾ Trong quá trình sửa chữa, có 01 nhà đã cũ và hư hại quá nhiều, do đó chuyển từ sửa chữa sang xây mới, hoàn thành trước ngày 15/01/2026, còn lại 03 căn sửa chữa đợt 2 của Chiến dịch Quang Trung.

Triển khai các kế hoạch, đề án hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ năm 2025. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch Ngày hội Khởi nghiệp ĐMST&CDS tỉnh Lâm Đồng năm 2025 (Techfest Lâm Đồng năm 2025); Lễ phát động Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng năm 2025. Khảo sát nhu cầu và giải pháp hỗ trợ phụ nữ Khởi nghiệp theo nhóm đối tượng khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Miền Trung.

2.10. Công tác nội chính

a) Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh chính trị tiếp tục được giữ vững; các cấp, các ngành, địa phương thực hiện tốt các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; không để phát sinh các “điểm nóng” tại địa phương. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã được lồng ghép với các phong trào khác tạo sự đồng bộ, đồng thuận trong nhân dân và đạt hiệu quả tốt.

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn cơ bản được đảm bảo, không để xảy ra các tình huống bị động, bất ngờ; công tác đấu tranh phòng chống các loại tội phạm tiếp tục được đẩy mạnh gắn với tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự. Đến nay, phát hiện 2.140 vụ phạm tội và vi phạm pháp luật về trật tự xã hội, giảm 27,24% (*giảm 801 vụ*) so với cùng kỳ. Về tai nạn giao thông: toàn tỉnh xảy ra 851 vụ tai nạn giao thông, giảm 360 vụ (29,73%), làm 420 người chết, 666 người bị thương.

b) Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Trong năm 2025, toàn tỉnh đã thực hiện 337 cuộc thanh tra (*gồm kỳ trước chuyển sang 65 cuộc, triển khai trong kỳ 272 cuộc; trong đó có 296 cuộc theo kế hoạch và 41 cuộc đột xuất*); có 306 cuộc thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra đối với 893 đơn vị được thanh tra. Đã ban hành quyết định thu hồi nộp ngân sách nhà nước 52.972,47 triệu đồng và xử lý khác 22.237,36 triệu đồng; các cấp có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính 3.285,46 triệu đồng; chuyển 05 vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan cảnh sát điều tra.

- Về công tác tiếp công dân: năm 2025, toàn tỉnh đã tiếp 9.256 lượt với 10.665 người được tiếp, 9.871 vụ việc; tiếp 74 đoàn đông người với 855 người. Nội dung khiếu nại tố cáo, kiến nghị, phản ánh chủ yếu tập trung trong lĩnh vực đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, cấp Giấy CNQSD đất... Qua tiếp công dân đã hướng dẫn, giải thích và tiếp nhận các vụ việc để giải quyết theo thẩm quyền quy định.

- Về công tác tiếp nhận, xử lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo: Lũy kế cả năm 2025, đã tiếp nhận 19.104 đơn, đến nay, đã xử lý 19.052 đơn (đạt 99,7%), có 16.740 đơn đủ điều kiện xử lý, với 11.272 đơn/11.301 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết.

- Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện; tiếp tục chú trọng thực hiện các giải pháp phòng, ngừa tham nhũng, như: công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng và thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, chế độ; thực hiện kê khai tài sản, thu nhập theo đúng quy định của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ. Tăng cường công tác quản lý, khai thác, vận hành và sử dụng tài sản công, đất công... nhằm phát huy hiệu quả công năng sử dụng, tránh gây lãng phí theo đúng tinh thần của Bộ Chính trị tại Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023. Triển khai thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Tỉnh ủy về thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Quyết định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công. Triển khai các giải pháp đẩy nhanh tiến độ đối với các dự án đầu tư ngoài ngân sách đã kéo dài nhiều năm qua. Tiếp tục phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Xử lý nghiêm các vi phạm gây lãng phí lớn. Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng theo đúng pháp luật.

2.11. Thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy và công tác cải cách hành chính

Tỉnh đã quyết liệt triển khai công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1671/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo triển khai Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội và sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo đúng quy định tại Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ. Từ ngày 01/7/2025, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đã đi vào vận hành; các địa phương, cơ quan, đơn vị cơ bản duy trì ổn định bộ máy và vận hành hoạt động hiệu quả, không để gián đoạn trong xử lý công việc, nhất là các thủ tục liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp như đất đai, xây dựng, hộ tịch,... Thực hiện bố trí trụ sở, phòng làm việc, trang thiết bị làm việc làm việc; bố trí nhà công vụ, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp đơn vị hành chính, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh tiếp tục kiện toàn bộ máy, thực hiện vận hành hệ thống đảm bảo ổn định, thông suốt. Đồng thời, hoàn thiện và ban hành các quy chế làm việc của UBND xã, quy chế phối hợp của phòng, ban chuyên môn theo quy định. Thực hiện rà soát, tham mưu việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố và đổi tên thôn, tổ dân phố sau sắp xếp đối với các thôn, tổ dân phố bị trùng tên theo quy định. Trong tổng số 124 xã, phường, đặc khu có

64/75 địa phương đã hoàn thành chuyển đổi loại hình thôn, tổ dân phố, đổi tên thành thôn, tổ dân phố và 49 địa phương không phải thực hiện việc chuyển đổi thôn, tổ dân phố và đổi tên thôn, tổ dân phố.

Sau sáp nhập²⁹, tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (mới) đã ban hành 36 quyết định công bố danh mục TTHC thuộc tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước với tổng số TTHC là 2.358 thủ tục, trong đó có 1.938 thủ tục cấp tỉnh và 420 thủ tục cấp xã. 100% các TTHC được ban hành đảm bảo đúng thẩm quyền, sau khi ban hành được công bố, công khai đầy đủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh và website của các cơ quan có thẩm quyền giải quyết; thực hiện niêm yết TTHC bằng mã QR để phục vụ việc tra cứu của người dân, doanh nghiệp. Hiện nay, 100% TTHC cấp tỉnh và cấp xã đã được xây dựng quy trình nội bộ và quy trình điện tử, bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ được triển khai đồng bộ, thống nhất trên toàn tỉnh.

Toàn tỉnh đã cung cấp 2.227 TTHC trực tuyến (*một phần và toàn trình*)³⁰ trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ bất kỳ thời gian nào, không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Đối với TTHC nộp hồ sơ trực tiếp không phụ thuộc địa giới, tỉnh đang triển khai theo lộ trình tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh giai đoạn 2025 - 2026.

2.12. Về công tác đối ngoại

Thực hiện tốt đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để ngoài để phát triển kinh tế. Thực hiện các quy định theo cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc đã ký kết. Triển khai hiệu quả các thỏa thuận, kế hoạch hợp tác giữa tỉnh Lâm Đồng với các địa phương, các vùng kinh tế và các quốc gia, vùng lãnh thổ. Tích cực, chủ động tham mưu Chính phủ, các bộ, ban, ngành Trung ương đẩy nhanh tiến độ phân giới cắm mốc và quy hoạch các cụm dân cư ở khu vực biên giới. Tiếp tục thúc đẩy mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị với nước CHDCND Lào và Vương quốc Campuchia; nâng cao hiệu quả các chương trình hợp tác với tỉnh Champasak, tỉnh Bolykhamxay (Lào) và tỉnh Mondulkiri (Campuchia). Duy trì, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác hiện có như tỉnh Kochi (Nhật Bản), thành phố Westland (Hà Lan), tỉnh Matanzas (Cuba) và thành phố Guri (Hàn Quốc). Công tác vận động ODA, viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (NGO) được thực hiện và quản lý chặt chẽ. Công tác tuyên truyền về biển, đảo, về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng được chú trọng, đạt nhiều

²⁹ Số liệu tính đến ngày 19/9/2025.

³⁰ Trong đó có 903 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 1.324 dịch vụ công trực tuyến một phần.

kết quả tích cực.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Những kết quả đạt được:

Triển khai thực hiện kế hoạch kinh tế xã hội năm 2025 trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều diễn biến mới, phức tạp, khó lường. Trong nước cũng như tỉnh, khối lượng công việc đặt ra là rất lớn, vừa phải triển khai công việc thường xuyên, vừa ứng phó với tình hình, xử lý các vấn đề tồn đọng kéo dài, vừa tổ chức các công việc mới, phức tạp, nhất là về tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp,.. đồng thời chuẩn bị cho đại hội Đảng các cấp.

Trong bối cảnh đó, với sự chỉ đạo sát sao, thường xuyên của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; cùng với cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, địa phương và sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã nỗ lực, triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực. Nhờ đó, tình hình kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá. Thu ngân sách nhà nước đạt kế hoạch đề ra. Thu hút dự án đầu tư và đăng ký doanh nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực. Việc đầu tư hạ tầng giao thông trọng điểm kết nối liên vùng được quan tâm đẩy mạnh. Công tác an sinh - xã hội, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, giáo dục tiếp tục được chú trọng quan tâm thực hiện có hiệu quả; hoàn thành Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng nâng lên. Quốc phòng, an ninh tiếp tục được giữ vững, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

2. Một số tồn tại, hạn chế:

a) *Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:* Có 03/10 chỉ tiêu chủ yếu không đạt kế hoạch.

b) *Về lĩnh vực kinh tế:*

- Một số dự án nguồn điện năng lượng tái tạo đã đầu tư hoàn thành cơ bản, có thể vận hành, sản xuất điện nhưng chưa được phát điện thương phẩm (COD) hòa lưới điện quốc gia. Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực gặp khó khăn do chi phí nguyên vật liệu tăng cao và cạnh tranh gay gắt, dẫn đến sản lượng sụt giảm.

- Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tuy được kiểm soát nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh gây hại, đặc biệt bệnh Dịch tả lợn Châu phi chưa được kiểm soát triệt để. Công tác bảo vệ rừng tuy có nhiều chuyển biến nhưng vẫn còn diễn ra phức tạp ở một số điểm nóng; một số địa phương vẫn còn tình trạng khai thác, vận chuyển, buôn bán, chế biến lâm sản trái phép và lấn chiếm đất rừng. Chưa giải quyết dứt điểm việc tàu cá vượt ranh giới vi phạm vùng biển nước ngoài; tàu cá vi phạm quy định chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và

không theo quy định (IUU). Công tác chỉnh lý hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai chưa kịp thời. Công tác xử lý rác thải, chất thải ở một số khu vực nông thôn chưa hiệu quả.

- Công tác tuyên truyền, quảng bá xúc tiến thương mại, dịch vụ đối với thị trường nước ngoài còn hạn chế. Hiệu quả liên kết hợp tác phát triển chưa cao.

- Những vướng mắc liên quan đến công tác quy hoạch đô thị và nông thôn, quy chế quản lý kiến trúc vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

c) Lĩnh vực văn hoá xã hội, an ninh trật tự

- Cơ sở vật chất trường học ở một số nơi còn thiếu, chưa đồng bộ, vẫn còn một tỉ lệ lớn phòng học xuống cấp cần thay thế. Chất lượng dạy học tại một số trường vùng kinh tế xã hội khó khăn và vùng có đông đồng bào dân tộc còn nhiều hạn chế.

- Khả năng cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng cao và đa dạng của ngành y tế tỉnh nhà chưa đáp ứng với nhu cầu của người dân; thiếu cán bộ chuyên khoa sâu tại các bệnh viện tuyến tỉnh. Trình độ chuyên môn của cán bộ y tế tuyến cơ sở chưa đồng đều.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thiết chế văn hóa - thể thao từ tỉnh đến cơ sở vẫn còn thiếu, đã xuống cấp, chưa được đầu tư đồng bộ.

- Đời sống một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tình hình an ninh, trật tự trên một số địa bàn vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp; tình trạng trẻ em bị tai nạn đuối nước còn xảy ra tại một số địa phương.

d) Công tác tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, chuyển đổi số

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính một số đơn vị, địa phương vẫn chưa thật sự quyết liệt; việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư, đất đai... gắn với công tác cải cách hành chính chưa đồng bộ, kịp thời.

- Quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy có lúc, có nơi còn gặp một số khó khăn.

3. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, tồn tại:

a) Nguyên nhân khách quan

Do tác động của những diễn biến bất lợi, phức tạp, khó lường của tình hình thế giới, nhất là Hoa Kỳ công bố chính sách thuế quan đối ứng mới; việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp thời gian đầu phát sinh những bất cập nhưng nắm bắt tình hình và giải quyết chưa kịp thời; một số quy định của pháp luật có nội dung chưa đồng bộ, thủ tục hành chính còn rườm rà.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là người đứng đầu có lúc, có việc chưa phát huy đúng mức vai trò, trách nhiệm. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của một số cơ quan, địa phương còn hạn chế, có lúc chưa chặt chẽ, chưa quyết liệt, chưa nắm sát tình hình thực tế,... ảnh hưởng đến công tác phân tích, đánh giá, dự báo tình hình kinh tế xã hội, đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Công tác rà soát lập điều chỉnh các quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh của cấp xã còn chậm, ảnh hưởng đến công tác thu hút đầu tư, khơi thông và phát huy nguồn lực trên địa bàn tỉnh.

- Công tác phối hợp giữa các Sở, ngành, địa phương trong giải quyết thủ tục hành chính về đầu tư, đất đai, xây dựng, đền bù giải phóng mặt bằng, cũng như trong việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc còn tồn tại đối với các dự án ngoài ngân sách cho nhà đầu tư chưa kịp thời.

- Một số cán bộ công chức có tư tưởng cầm chừng, thiếu quyết liệt trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, nhất là trong giai đoạn sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, sáp nhập đơn vị hành chính, vai trò nêu gương của một số cán bộ, công chức chưa được phát huy.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Tỉnh ủy, HĐND tỉnh là yếu tố then chốt để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Đoàn kết, thống nhất, chung sức, đồng lòng; giữ vững kỷ luật, kỷ cương hành chính; đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu; phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, phân công nhiệm vụ bảo đảm 6 rõ, bố trí nguồn lực hợp lý để thực hiện, làm việc có trọng tâm, trọng điểm.

3. Kiên định với mục tiêu, điều hành quyết liệt, linh hoạt; nắm chắc tình hình, phản ứng kịp thời, linh hoạt, phù hợp, hiệu quả; điều hành linh hoạt, phát huy tính chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

4. Lấy con người làm trung tâm, là chủ thể, mục tiêu, nguồn lực và là động lực cho sự phát triển; phát huy cao độ trí tuệ, sức sáng tạo và bản lĩnh; bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững.

5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; chú trọng thông tin, tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

I. BỐI CẢNH

Tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược các nước lớn và trong khu vực tiếp tục diễn ra gay gắt, nhất là những vấn đề xung đột chính trị tại Ucraina, Trung Đông...; khả năng điều chỉnh chính sách tiền tệ, thương mại, đầu tư của các nền kinh tế lớn; triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự báo tăng trưởng chậm; các xu hướng mới về khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, năng lượng tái tạo, ...tiếp tục phát triển mạnh mẽ, diễn biến rất nhanh; các vấn đề an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, an ninh mạng... tác động trực tiếp, nhiều mặt, ảnh hưởng đến phát triển ổn định, bền vững của thế giới, khu vực

Trong nước, năm 2026 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2026-2030, bước vào Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, tăng trưởng hai con số ngay từ năm 2026. Thể chế, các quy định pháp luật ngày càng hoàn thiện, môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng thông thoáng, mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp đi vào hoạt động hiệu quả.

Trong bối cảnh có những thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen, để thực hiện thắng lợi mục tiêu, yêu cầu tăng trưởng đặt ra, các cấp, các ngành, các địa phương phải tập trung cao độ, nỗ lực, quyết tâm nhiều hơn nữa, đổi mới mạnh mẽ hơn nữa và phát huy sự chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm để thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, thực chất các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh làm động lực chính; nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng sức sản xuất; nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy, xây dựng nền hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục; chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Làm tốt hơn nữa công tác truyền thông chính sách, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội. Củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

III. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Các chỉ tiêu kinh tế:

- (1) Tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 10%.
- (2) GRDP bình quân đầu người phân đầu đạt 124 triệu đồng/người.
- (3) Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 37,10%; Công nghiệp và xây dựng chiếm 27,68%; Dịch vụ chiếm 35,22%.
- (4) Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội đạt trên 134.000 tỷ đồng.
- (5) Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công phân đầu đạt 100% kế hoạch vốn.
- (6) Phân đầu thu ngân sách nhà nước tăng ít nhất 10% so với thực hiện năm 2025.
- (7) Số lượt khách du lịch phục vụ đạt trên 25 triệu lượt khách.

2. Các chỉ tiêu xã hội:

- (8) Số lao động được giải quyết việc làm đạt 70.000 người.
- (9) Tỷ lệ Trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt trên 70%.
- (10) Số bác sĩ/vạn dân đạt 7,7 bác sĩ; tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 23,4 giường bệnh.
- (11) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt trên 95%; Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt 20,5%; Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 14,5%.
- (12) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 1,0%.
- (13) Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm 1,0-1,5%/năm. Trong đó, tỷ lệ nghèo đa chiều đồng bào dân tộc thiểu số giảm 2,0-3,0%.
- (14) Có 93,8% số hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa; 96,5% thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa.
- (15) Toàn tỉnh có 82 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Các chỉ tiêu môi trường:

- (16) Tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 83,21%. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,2%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt 60%.
- (17) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn ở đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95%; Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn ở nông thôn bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 75%; Tỷ lệ chất thải khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt chuẩn 100%; Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%; Tỷ lệ cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung đạt quy chuẩn môi trường đạt 35%; Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý 95%.
- (18) Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 46,78%.
- (19) Tỷ lệ đô thị hoá đạt 36%.

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Năm 2026 là năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, năm nền tảng thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH giai đoạn 2026-2030 và là năm đầu thực hiện mục tiêu tăng trưởng 2 con số, do đó cần phải quán triệt, cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ và tổ chức triển khai hiệu quả Văn kiện và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Văn kiện Đại hội đảng bộ tỉnh và địa phương; các chỉ đạo của Trung ương. Trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh làm động lực chính; nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của nền kinh tế

1.1. Về nông, lâm nghiệp, thủy sản

Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả cao dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hình thành một số sản phẩm quy mô lớn có thương hiệu quốc tế gắn với các trung tâm chế biến. Duy trì tốc độ tăng trưởng khu vực nông lâm nghiệp, thủy sản đạt trên 5,1%/năm; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực.

Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, quy mô lớn có giá trị gia tăng cao, nhất là đối với các sản phẩm chủ lực như rau, hoa, cà phê, tiêu, cây ăn quả (*sầu riêng, bơ, chanh dây, thanh long, nho...*), dâu tằm, hồ tiêu,... hình thành vùng chuyên canh và thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh cao; gắn kết nông nghiệp với công nghiệp chế biến, thúc đẩy cơ giới, tự động hóa, hiện đại hoá trong toàn chuỗi cung ứng.

Phát triển các đối tượng vật nuôi chính, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của tỉnh như: bò sữa, bò thịt cao sản, lợn, dê cừu, gia cầm, tằm; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, hiện đại, an toàn và bền vững, chủ động phòng chống dịch bệnh; tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất.

Đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất; công trình hạ tầng trọng yếu thích ứng với biến đổi khí hậu nhất là đối với các đập, hồ chứa nước, đề điều hư hỏng, xuống cấp, có nguy cơ mất an toàn; nghiên cứu xây dựng các công trình đập, hồ chứa nước mới, ưu tiên các công trình đa mục tiêu, chủ động tích trữ, điều hoà phân phối nguồn nước, bảo đảm số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh và các hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân. Nâng cao chất lượng công tác quản lý vận hành công trình, đảm bảo có trên 75% diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới.

Số hóa quản lý hoạt động khai thác thủy sản, quyết liệt kiểm tra, giám sát

và thực hiện xác nhận nguồn gốc theo đúng quy trình IUU. Phát triển các vùng nuôi thủy sản thâm canh ứng dụng công nghệ cao; phát triển các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo quy hoạch. Phát triển ngành nuôi thủy sản chủ lực, có giá trị kinh tế cao theo hướng nuôi tập trung công nghiệp quy mô lớn, công nghệ hiện đại, phát huy thế mạnh về nhu cầu của thị trường, khả năng sản xuất của tỉnh đối với các loài thủy sản nước lạnh; quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn nước. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển thủy sản với bảo vệ chủ quyền quốc gia và quốc phòng - an ninh trên các vùng biển, hải đảo. Tiếp tục phát huy tiềm năng thế mạnh về kinh tế biển để khai thác, đánh bắt, nuôi trồng và chế biến hải sản; xây dựng đảo Phú Quý thành trung tâm khai thác, chế biến và dịch vụ nghề cá, trung tâm thương mại về xuất khẩu hải sản của tỉnh, kết hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển của vùng và cả nước.

Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng, chống lấn chiếm đất rừng; giảm tối thiểu diện tích rừng, sản lượng rừng bị thiệt hại; giảm số vụ vi phạm có tính chất phức tạp, nổi cộm; đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Thực hiện tốt công tác phát triển rừng; duy trì tỷ lệ che phủ rừng 46,78%; sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng hiện có.

1.2. Về công nghiệp

Phát triển công nghiệp có lợi thế cạnh tranh với trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo. Ưu tiên phát triển bền vững công nghiệp khai thác bauxit, chế biến alumin, công nghiệp luyện nhôm và chế biến các sản phẩm từ nhôm. Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, nhất là khu công nghiệp Sơn Mỹ 1, Sơn Mỹ 2; chủ động thực hiện tốt công tác xúc tiến đầu tư hiệu quả, tiếp tục kêu gọi nhà đầu tư hạ tầng KCN Phú Bình, thu hút đầu tư dự án trong KCN Nhân Cơ, KCN Hàm Kiệm I, KCN Hàm Kiệm II, KCN Tân Đức, KCN Tâm Thắng,... để tăng cường thu hút các nhà đầu tư thứ cấp thực hiện đầu tư, sản xuất kinh doanh tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, tăng tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp. Bảo đảm diện tích khai thác bô xít, sản xuất alumin của Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV, Nhà máy Tân Rai; triển khai thực hiện các dự án khai thác, chế biến bô-xít, titan đã đáp ứng đủ điều kiện theo quy định. Sớm hình thành khu kinh tế ven biển phía Nam tỉnh để thu hút đầu tư các dự án có quy mô lớn về cảng biển và dịch vụ cảng biển, năng lượng, điện khí LNG, công nghiệp chế biến, chế tạo... gắn với phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị, thương mại, dịch vụ hiện đại.

Tháo gỡ dứt điểm các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án điện mặt trời, điện gió đang tồn đọng trên địa bàn tỉnh để đưa các dự án này vào hoạt động trong năm 2026 và triển khai thu hút đầu tư các dự án điện mới theo quy hoạch được duyệt; đẩy nhanh tiến độ triển khai, sớm hình thành Trung tâm điện lực Sơn Mỹ (*NMND BOT Sơn Mỹ I, BOT Sơn Mỹ II tổng công suất 4.500 MW*). Duy trì công suất chạy máy phát điện cung cấp cho hệ thống

điện quốc gia; đồng thời đảm bảo yêu cầu an toàn cho hệ thống hồ, đập thủy điện, các hồ chứa tích nước và bảo trì hệ thống máy phát, sản lượng điện sản xuất theo kế hoạch điều động của Trung tâm điều động điện quốc gia.

Tập trung phát triển chế biến sâu các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh như cà phê (*950.000 tấn cà phê nhân, chế biến tinh trên 12.000 tấn*); thanh long (khoảng 650.000 tấn tươi)..., đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao để nâng cao giá trị nông sản, đặc biệt là các nông sản chủ lực của tỉnh. Phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm thủy sản, tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đủ tiêu chuẩn, chất lượng phục vụ xuất khẩu từ: tôm, cá tra, cá ngừ, rong tảo biển; các loại cá nước ngọt, cá nước lạnh... Xây dựng các chuỗi liên kết sản phẩm nông sản phục vụ xuất khẩu và hình thành các chuỗi giá trị toàn cầu: cà phê, tiêu, điều, chè, rau củ quả, thủy sản. Ưu tiên xây dựng liên kết vùng để tạo ra các chuỗi giá trị quy mô lớn, tuần hoàn.

1.3. Về thương mại, dịch vụ

Phát triển, nâng cao chất lượng, giá trị, năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, có lợi thế của tỉnh (*alumin, nhôm, titan, cà phê, chè, tơ xe, lụa tơ tằm, thanh long, hạt điều, hạt tiêu, cao su, trái cây đặc sản(thanh long, sầu riêng, bơ), rau, củ, quả, hoa tươi, hải sản, chế biến, gỗ ...*)

Triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, đẩy mạnh Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam. Đa dạng phương thức và hình thức tổ chức kinh doanh thương mại; phát triển kinh tế cửa khẩu; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, hỗ trợ, thúc đẩy việc ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; cải thiện hạ tầng dịch vụ chuyển phát và logistics cho thương mại điện tử, ứng dụng các công nghệ mới trong hoạt động logistics.

Nâng cao hiệu quả truyền thông quảng bá giới thiệu sản phẩm thông qua các nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số; đẩy mạnh kết nối các doanh nghiệp nông nghiệp trong và ngoài nước thông qua các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ; đẩy mạnh tổ chức các hội chợ, triển lãm theo mùa để tăng cường giới thiệu sản phẩm nông sản. Theo dõi sát tình hình thị trường, thực hiện các biện pháp bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, nhất là trong các dịp cao điểm Lễ, Tết.

Thực hiện nghiêm túc, kịp thời, có hiệu quả công tác quản lý thị trường. Đẩy mạnh kiểm tra, xử lý triệt để các hành vi vi phạm bày bán công khai hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ và hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên thị trường. Rà soát, chủ động nắm vững diễn biến tình hình hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, kịp thời phát hiện, nhận diện các vấn đề nổi cộm, các lĩnh vực mặt hàng vi phạm mới nổi để đấu tranh ngăn chặn, xử lý.

1.4. Về du lịch

Phát triển các sản phẩm du lịch mới và chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh dựa trên lợi thế nổi trội về tài nguyên tự nhiên, văn hóa, di sản của địa phương như du lịch MICE, du lịch thể thao biển cao cấp, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch nông nghiệp/sinh thái, du lịch văn hóa - lễ hội; phát triển gói sản phẩm du lịch tích hợp “Núi - Rừng - Biển”, kết hợp nghỉ dưỡng cao nguyên (Lâm Đồng), khám phá công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông, và du lịch biển, tạo không gian kết nối theo tam giác “Phan Thiết - Đà Lạt - Tà Đùng”. Khuyến khích đầu tư các khu vui chơi giải trí, công viên chuyên đề quy mô lớn; giữ gìn, tôn tạo kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên, nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch, phát triển du lịch theo hướng chất lượng cao, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch canh nông, du lịch biển... nâng cao thời gian lưu trú, mức chi tiêu và mức độ hài lòng của du khách. Tiếp tục triển khai mô hình kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh.

Đẩy nhanh ứng dụng chuyển đổi số ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng; xây dựng nền tảng du lịch thông minh tích hợp toàn tỉnh; triển khai hệ thống thanh toán điện tử, check-in không tiếp xúc; phát triển ứng dụng di động du lịch thông nhất "Lâm Đồng mới" tích hợp AR/VR trải nghiệm.

Triển khai các chương trình kích cầu du lịch, tập trung vào các gói ưu đãi, giảm giá dịch vụ (lưu trú, ăn uống, vận chuyển, vé tham quan) đặc biệt cho các dịp lễ, tết,... tổ chức Festival Hoa Đà Lạt - Lâm Đồng (lần thứ nhất), Tuần lễ vàng Du lịch Lâm Đồng, các chương trình văn hóa, thể dục thể thao... Phối hợp chặt chẽ với các hãng hàng không, đường sắt, doanh nghiệp vận tải và các công ty lữ hành lớn để xây dựng các gói ưu đãi hấp dẫn để tăng cường thu hút khách du lịch. Hình thành mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, du lịch sinh thái và dịch vụ hiện đại.

Xây dựng và định vị thương hiệu: Phát triển bộ nhận diện thương hiệu thống nhất; khẳng định Lâm Đồng là điểm đến “an toàn, văn minh và thân thiện”; định vị Lâm Đồng là điểm đến du lịch đẳng cấp quốc tế kết hợp hài hòa giữa thiên nhiên, văn hóa và dịch vụ hiện đại với các điểm, khu du lịch nổi tiếng có thương hiệu lớn như (*Đà Lạt, Bảo Lộc, Mũi Né, Phú Quý, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO, các khu du lịch Quốc gia, ...*).

2. Quản lý chặt chẽ thu, chi ngân sách; đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể

2.1. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN; quản lý chặt chẽ thu NSNN, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thu, chi NSNN thông qua ứng dụng chuyển đổi số; bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, mở rộng cơ sở thu và chống thất thu thuế, nhất là trên các lĩnh vực như: hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, kinh doanh thương mại điện tử; kinh doanh và chuyển nhượng bất động sản; kinh doanh du lịch, dịch vụ, ăn uống, hoạt động kinh doanh vàng bạc, xăng dầu; hoạt động khai thác khoáng sản. Phân đầu thu NSNN năm 2026 tăng 10% so với ước thực hiện năm 2025.

Quản lý chặt chẽ chi ngân sách. Chủ động cắt giảm các khoản chi không cần thiết để tập trung chi đầu tư phát triển, triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi công tác trong nước và nghiên cứu, khảo sát ở nước ngoài; quản lý các khoản chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định của pháp luật.

2.2. Phân bổ vốn đầu tư công tập trung, không phân tán, dàn trải; phát huy mạnh mẽ vai trò đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân để thu hút, huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển; kiên quyết xóa bỏ cơ chế “xin – cho”. Ưu tiên đảm bảo nguồn lực cho các dự án quan trọng, các công trình trọng điểm và các CTMTQG; tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra công tác thực hiện dự án; thu hồi các dự án không triển khai theo kế hoạch phê duyệt, kiên quyết loại bỏ những dự án không thật sự cần thiết. Triển khai đồng bộ các giải pháp để phân đầu giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao.

2.3. Thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, thực chất, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng. Triển khai, tăng cường hoạt động kết nối ngân hàng - doanh nghiệp bằng nhiều hình thức phù hợp để kịp thời nắm bắt, xử lý tháo gỡ khó khăn của khách hàng liên quan đến tiếp cận vốn vay; tích cực thực hiện các giải pháp chuyển đổi số, phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại và kết nối khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân gắn chip để nhận biết chính xác khách hàng. Đẩy mạnh việc tuyên truyền và mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa.

2.4. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển kinh tế tư nhân và các thành phần kinh tế

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị và các chương trình hành động của Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết 68. Phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao vừa là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài; phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, kích hoạt, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực. Xóa bỏ triệt để các rào cản, định kiến về doanh nghiệp, doanh nhân; đánh giá đúng vai trò của khu vực kinh tế tư nhân đối với phát triển tỉnh Lâm Đồng; thúc đẩy tự do kinh doanh ngành nghề mà pháp luật không cấm. Xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho một số dự án lớn như: Tổ hợp nhà máy boxit - cụm Đăk Nông 2; Tổ hợp nhà máy boxit - cụm Đăk Nông 4; Tổ hợp nhà máy boxit - cụm Lâm Đồng 1; tổ hợp nhà máy boxit-cụm Lâm Đồng 2 và dự án boxit mở rộng Tân rai; Sân bay Phan Thiết...

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, sở, ban, ngành và chính quyền địa phương của tỉnh theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển. Tiếp tục đẩy mạnh công

tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cải thiện và nâng cao chỉ số: PCI, PGI, chỉ số PAR INDEX, chỉ số SIPAS và chỉ số PAPI của tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin và thu hút đầu tư. Đồng thời, tiếp tục thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm đối với các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; nâng cao chất lượng, thái độ phục vụ và giải quyết thủ tục hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư của đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả, hình thức hoạt động, gắn hoạt động với hiệu quả thực chất đối với các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã. Sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, các công ty nông lâm nghiệp, phát huy hiệu quả nguồn vốn, nguồn lực về đất đai, rừng, tài nguyên và tài sản nhà nước đã đầu tư. Triển khai thực hiện hiệu quả chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích áp dụng công nghệ cao và đổi mới sáng tạo. Chủ động nắm bắt và kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

3. Tập trung hoàn thiện đồng bộ các thể chế pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

3.1. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương: Tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật; chú trọng các giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tiếp tục xác định đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

3.2. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, giảm chi phí tuân thủ pháp luật; tạo thuận lợi cao nhất cho mọi hoạt động bình thường trong khuôn khổ pháp luật của người dân, tổ chức, doanh nghiệp, xoá bỏ triệt để cơ chế “xin - cho”. Tạo đột phá, tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, kịp thời xoá bỏ rào cản, quy định không còn phù hợp với hoạt động đầu tư kinh doanh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các lĩnh vực cải cách hành chính trọng tâm; cắt giảm, đơn giản hóa toàn bộ các quy định liên quan đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp để tháo gỡ mọi rào cản, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển. Năm 2026, cắt giảm, đơn giản hoá 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung,

không cụ thể, không rõ ràng; bãi bỏ 100% điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư; 100% thủ tục hành chính quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng phải được công bố, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa; 100% chế độ báo cáo của doanh nghiệp được thực hiện điện tử; 100% thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử; 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện trực tuyến toàn trình. Nâng cao chất lượng phục vụ, gắn với việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng phục vụ.

3.3. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thanh tra; triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Luật Thanh tra. Tập trung thanh tra các lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm, tham nhũng, tiêu cực, dư luận xã hội quan tâm; tăng cường xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra. Qua thanh tra kịp thời phát hiện bất cập về cơ chế, chính sách để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện; xử lý nghiêm vi phạm, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; các cấp, các ngành triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Phối hợp, kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, đúng pháp luật và phù hợp với thực tế ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở; thực hiện tốt quy định tiếp công dân của người đứng đầu; kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu kiện phức tạp, đông người, kéo dài, hạn chế phát sinh “điểm nóng”, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3.4. Thực hiện nghiêm, đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, trọng tâm là các quy định về kiểm soát quyền lực, quản lý tài chính công, tài sản công; chú trọng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong khu vực ngoài nhà nước; phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, bảo đảm mọi hành vi vi phạm pháp luật phải được phát hiện, xử lý nghiêm, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

4. Tiếp tục tập trung hoàn thiện về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, hoàn thiện bộ máy quản lý, điều hành để phục vụ phát triển

Tập trung rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực,

hiệu quả theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, khắc phục những bất cập, mâu thuẫn, chông chéo trong thực hiện các quy định liên quan đến hoạt động của bộ máy mới, nhất là cấp cơ sở và các vướng mắc về nguồn lực, nhân lực, cơ sở vật chất, quy hoạch, chuyển đổi số, hệ thống cơ sở dữ liệu; chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

Tăng cường tính chủ động, tự chủ, kiến tạo phát triển của địa phương trong chỉ đạo, điều hành theo thẩm quyền; đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị của đơn vị, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và khoa học - công nghệ tiên tiến, áp dụng các tiêu chuẩn, chuẩn mực quản trị quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng các dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng yêu cầu của xã hội, của người dân.

Ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đo bằng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện nghiêm các Quy định và Kết luận của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị, về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 – 2026. Thực hiện việc đánh giá công chức theo tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ của công chức (KPI). Triển khai hiệu quả cơ chế thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đối với người có tài năng. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết khắc phục hiệu quả tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ công chức.

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

Chuẩn bị các nội dung đảm bảo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo Nghị quyết số 199/2025/QH15 ngày 21/5/2025 của Quốc hội; kiện toàn tổ chức, bộ máy chính quyền các cấp sau bầu cử theo đúng quy định.

5. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; tập trung đầu tư xây dựng, bảo đảm tiến độ các công trình hạ tầng trọng điểm, liên vùng và hạ tầng đô thị; điều chỉnh quy hoạch phù hợp với bối cảnh mới để tạo động lực phát triển toàn diện kinh tế xã hội

5.1. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài ngân sách, thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động tạo sự đồng thuận trong xã hội, nhất là công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư để đẩy mạnh đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với xây dựng, phát triển đô thị mới, đô thị biển, đô thị sân bay Phan Thiết.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình trọng điểm của tỉnh, nhất là hạ tầng giao thông quan trọng như: dự án đường bộ cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc, Bảo Lộc - Liên Khương, Gia Nghĩa - Chơn Thành; các dự án cải tạo

nâng cấp các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường liên kết vùng, đường ven biển và đường tránh đô thị. Phối hợp, đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án nâng cấp Cảng hàng không Quốc tế Liên Khương; Đầu tư xây dựng Cảng cạn và trung tâm logistic Đức Trọng; Nghiên cứu, đầu tư khôi phục tuyến đường sắt Tháp Chàm – Đà Lạt và các tuyến đường sắt nối các trung tâm đô thị lớn, khu công nghiệp khai khoáng và cảng biển của tỉnh; Xây dựng kế hoạch phát triển các trục giao thông đối nội theo hướng Bắc Nam, Đông Tây, các tuyến đường tỉnh, đường vành đai, đường tránh đô thị; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống đường giao thông nông thôn. Tập trung giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư để triển khai thực hiện dự án đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam đi qua địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh việc mở mới các đường bay quốc tế, nội địa từ cảng hàng không Liên Khương đến các quốc gia trong khu vực Asean, các quốc gia có lượng du khách lớn (*Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên Bang Nga...*) và đến các tỉnh thành phố du lịch trong nước; Tập trung phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng xanh, sạch, chất lượng cao với giá thành hợp lý, kết nối đến các trung tâm kinh tế, xã hội, các khu đô thị; các cảng hàng không, các cảng biển, ga hành khách... để đáp ứng tốt nhất nhu cầu đi lại của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội.

5.2. Khẩn trương lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo thống nhất với Quy hoạch quốc gia, Quy hoạch vùng; tập trung rà soát lập các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và nông thôn đồng bộ, hiệu quả, xử lý việc chồng chéo giữa các quy hoạch. Nâng cao chất lượng lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, để quy hoạch thật sự là động lực phát triển, tháo gỡ những điểm nghẽn trong thu hút đầu tư.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tổ chức xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về tình hình phát triển đô thị theo định hướng mới; nâng cao tỷ lệ đô thị hoá và nâng cao chất lượng đô thị. Đổi mới phương thức, mô hình quản lý và phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là nhà ở cho người có thu nhập thấp tại đô thị và công nhân, lao động tại các khu công nghiệp. Tập trung rà soát, điều chỉnh đảm bảo đầy đủ cấp độ, thống nhất đồng bộ giữa các quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở... để thu hút đầu tư, phát triển đô thị mới, khu dân cư kiểu mẫu ở nông thôn theo hướng đồng bộ về hạ tầng, kiến trúc, cảnh quan, kiến tạo các giá trị mới về đô thị, nông thôn.

5.3. Phát triển, nâng cao năng lực ngành xây dựng, tiếp cận công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực khảo sát, thiết kế, xây dựng, công nghệ xây lắp; đẩy mạnh sản xuất phân phối lưu thông ngành vật liệu xây dựng phục vụ nhu cầu thị trường. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng (*vật liệu xây dựng cơ bản,...*); tăng cường công tác quản lý trật tự

xây dựng trên địa bàn, không để xảy ra tình trạng xây dựng không phép, trái phép.

6. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy mạnh mẽ nghiên cứu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

6.1. Tiếp tục thực hiện hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị. Tăng cường bồi dưỡng giáo viên, xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình và các chủ đề STEM. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong giáo dục. Tăng cường cơ sở vật chất để bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục đào tạo, ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục phổ thông ở vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng biên giới, hải đảo; hoàn thành việc triển khai xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nhất là tại địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Thúc đẩy mạnh mẽ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, tập trung chỉ đạo tuyển sinh và đào tạo lao động chất lượng cao, nhất là các ngành, lĩnh vực trọng điểm; đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động tại địa phương. Đẩy mạnh chương trình đào tạo cán bộ quản lý, các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh.

6.2. Tập trung triển khai quyết liệt, hiệu quả, các nhiệm vụ trong Chương trình hành động của Tỉnh uỷ, UBND thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Tiếp tục phát triển khoa học và công nghệ toàn diện trên các lĩnh vực, tập trung nghiên cứu khoa học ứng dụng, có tác động mạnh mẽ đến yêu cầu ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tiềm năng, điều kiện của tỉnh. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, khuyến khích thành lập doanh nghiệp khoa học, công nghệ; tích cực hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giữa doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu, cá nhân trong tỉnh với các đối tác nước ngoài.

Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, sản phẩm OCOP, xây dựng chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm chủ lực, có thương hiệu và uy tín của tỉnh; hướng dẫn đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận ra nước ngoài; hỗ trợ bảo hộ giống cây trồng. Tăng cường tiềm lực, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị.

Hoàn thiện các nền tảng dùng chung, chuẩn hóa và kết nối các cơ sở dữ liệu quan trọng, nâng cao thực chất chất lượng dịch vụ công trực tuyến, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo đảm bảo nguyên tắc “Một hệ thống thống nhất - Một dữ liệu duy nhất - Một dịch vụ liền mạch”. Tập trung đồng bộ

triển khai các giải pháp, biện pháp, xây dựng các mô hình về chuyển đổi số để triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả. Đẩy mạnh triển khai thực hiện chỉ tiêu mỗi người dân (trưởng thành) có một danh tính số, tài khoản số, có một chữ ký số cá nhân để sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ/tiện ích số.

7. Đầu tư phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe Nhân dân

7.1. Về văn hoá, thể dục thể thao

Đẩy mạnh thực hiện kết luận của Tổng Bí thư tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc và kết luận số 156-KL/TW ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị, xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Triển khai hiệu quả Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 29/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Ưu tiên bố trí ngân sách và lồng ghép các nguồn lực đầu tư để thực hiện hiệu quả đúng lộ trình Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 theo Nghị quyết 162/2024/QH15 của Quốc Hội. Thực hiện đồng bộ chính sách bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, góp phần vừa phục hồi, bảo tồn, phát huy nhiều giá trị văn hóa đặc trưng, tiêu biểu của cộng đồng các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn Lâm Đồng. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao; bảo tồn, tôn tạo, phát huy các giá trị văn hóa, lễ hội, sản phẩm truyền thống, các di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh; thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Duy trì, phát triển phong trào TDTT quần chúng, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn mọi đối tượng quần chúng tập luyện, tham gia các giải thể thao, đặc biệt chú trọng vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng hệ thống các giải thể thao quần chúng, từ cấp tỉnh đến cơ sở, làm cơ sở để tuyển chọn, bổ sung lực lượng VĐV vào tuyển năng khiếu của tỉnh. Tập trung phát triển mạnh thể thao thành tích cao, đầu tư chuyên sâu các môn thể thao trọng điểm, mũi nhọn; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, công trình thể thao, trang thiết bị dụng cụ đáp ứng nhu cầu tập luyện và thi đấu các môn thể thao thành tích cao cấp tỉnh, khu vực, quốc gia, quốc tế.

7.2. Về y tế

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72- NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Nâng cao năng lực y tế dự phòng, dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Tăng cường triển khai đào tạo nhân lực y tế cho vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, có chính sách để thu hút các bác sỹ có chuyên môn sâu về công tác tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh,

chữa bệnh ở các tuyến; Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh, tập trung triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt; bệnh án điện tử...

7.3. Về công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội, chính sách người có công

Tiếp tục tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, đúng quy định pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, tránh trục lợi chính sách. Thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng; công tác bình đẳng giới; chăm sóc người cao tuổi; chính sách bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, người khuyết tật; ngăn ngừa tình trạng đuối nước ở trẻ em; phòng ngừa hiệu quả bạo lực học đường, xâm hại phụ nữ, trẻ em,...; chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các chính sách an sinh xã hội khác. Thực hiện tốt các chính sách về giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, chính sách bảo hiểm thất nghiệp;... Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn người nghèo, hộ nghèo có kiến thức, kinh nghiệm trong lao động, sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách giảm nghèo như chính sách tín dụng ưu đãi, chính sách dạy nghề, chính sách hỗ trợ y tế, giáo dục, nhà ở...

Thực hiện tốt các chính sách về giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân. Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên cơ sở lồng ghép có hiệu quả với chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phấn đấu toàn tỉnh có 82 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Triển khai đồng bộ và đầy đủ các chính sách dân tộc, công tác dân tộc, công tác tín ngưỡng tôn giáo. Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy dân chủ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

8. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; bảo vệ môi trường, hạn chế ô nhiễm

8.1. Quản lý tài nguyên thiên nhiên

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đất đai; thường xuyên rà soát, kịp thời xử lý tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quản lý đất đai; tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về đất đai. Triển khai công tác rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã đến năm 2030. Không để xảy ra tình trạng chồng chéo, bất cập giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng và quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan; Xác định giá đất cụ thể để triển khai đấu giá các khu đất đủ điều kiện đấu giá, các dự án đầu tư ngoài ngân sách tạo nguồn thu ngân sách nhà nước. Hoàn thành dự án xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và hồ sơ địa chính đất đai, sớm đưa vào vận hành, khai thác để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong hoạt động khai thác, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái rừng; tăng cường tuần tra, kiểm soát và áp dụng các biện pháp xử lý nghiêm đối với hành vi gây ảnh hưởng đến tài nguyên rừng; tổ chức trồng, phục hồi rừng đã bị suy thoái và bảo vệ các loài cây đặc trưng của hệ sinh thái rừng.

Thực hiện có hiệu quả các Quy hoạch về khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, bảo đảm công bằng, công khai minh bạch, chống tiêu cực, lãng phí tài nguyên khoáng sản. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách tạo thuận lợi để thu hút đầu tư các dự án chế biến các loại khoáng sản đúng tiến độ quy hoạch và hiệu quả, nhất là đối với các doanh nghiệp khai thác mỏ có năng lực, dự án có sử dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, bảo vệ môi trường bền vững; ưu tiên phát triển các mỏ, điểm mỏ, cụm mỏ quy mô lớn, hạn chế và tiến tới chấm dứt khai thác các mỏ trữ lượng thấp, phân tán, nhỏ lẻ.

Hoàn thành việc xây dựng phê duyệt phương án sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc rà soát, đo đạc, cắm mốc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xử lý dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất đai, sử dụng đất đai không đúng mục đích tại các công ty nông, lâm nghiệp.

8.2. Bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu trong bối cảnh phát triển bền vững và liên kết vùng; Phát triển, nhân rộng mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, sản xuất sạch hơn; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả tài nguyên trong các ngành, lĩnh vực; đầu tư đổi mới công nghệ thân thiện môi trường, nâng cao tiêu chuẩn sản xuất - kinh doanh xanh.

Thực hiện các giải pháp phòng chống, ứng phó kịp thời và hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại trước tác động của thiên tai; đầu tư nâng cấp, hiện đại hoá công nghệ giám sát, phân tích, dự báo cảnh báo thời tiết, thiên tai như dự báo định lượng mưa, cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét; quản lý sử dụng bản đồ sạt trượt và thực hiện giải pháp phòng, chống, xử lý sạt trượt kịp thời.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả chương trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; đầu tư hiện đại hóa hạ tầng thu gom, xử lý chất thải, nước thải, khí thải tại đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư và du lịch; thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về môi trường. Tiếp tục huy động, sử dụng có hiệu quả của các nguồn vốn để đầu tư hoàn thiện hiện đại hoá hệ thống hạ tầng thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, bảo đảm năng lực cấp nước, tiêu thoát nước, kết hợp phục hồi nguồn nước suy thoái, ô nhiễm nguồn nước; xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, công trình bảo đảm an sinh xã hội cho người dân sống ở vùng khan hiếm nước, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai; nâng

cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu và thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính, góp phần phát triển nhanh và bền vững tỉnh trong giai đoạn mới.

9. củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Giữ vững quốc phòng an ninh, biên giới, an ninh chính trị trên địa bàn. Tăng cường công tác đối ngoại, quốc phòng, an ninh; củng cố quốc phòng an ninh cả về tiềm lực và thế trận, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; chủ động nắm chắc tình hình, bảo đảm an toàn xã hội, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, biên giới. Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu ở các cấp theo quy định; quản lý chặt chẽ vùng trời, biên giới, nội địa, không gian mạng, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ.

Chủ động, nhạy bén, nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo, tham mưu chủ trương, đối sách xử lý thắng lợi các tình huống về quân sự, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Tiếp tục xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng khu vực phòng thủ các cấp vững chắc. Thực hiện tốt chủ trương kết hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phòng, chống cháy, nổ, kéo giảm tai nạn giao thông, tạo môi trường an toàn, thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Tích cực đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; không để bị động, bất ngờ. Tuyệt đối đảm bảo an ninh, trật tự trong các dịp Lễ kỷ niệm lớn của đất nước; trước, trong và sau thời gian diễn ra Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2030.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả đường lối, chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung các quy định thuộc thẩm quyền địa phương phù hợp với chính sách đối ngoại và lộ trình hội nhập quốc tế. Tiếp tục thúc đẩy mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị với nước CHDCND Lào và Vương quốc Campuchia; nâng cao hiệu quả các chương trình hợp tác với tỉnh Champasak, tỉnh Bolykhamxay (Lào) và tỉnh Mondulkiri (Campuchia). Duy trì, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác hiện có như tỉnh Kochi (Nhật Bản), thành phố Westland (Hà Lan), tỉnh Matanzas (Cuba) và thành phố Guri (Hàn Quốc).

10. Chủ động hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền nâng cao hiệu quả và sự đồng thuận của người dân, chú trọng và tập trung công tác truyền thông chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự

kiện lớn của đất nước, của tỉnh.

Thực hiện tốt công tác định hướng thông tin truyền thông trên tất cả các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Phát triển các loại hình thông tin theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với xu thế phát triển khoa học và công nghệ, thông tin, truyền thông thế giới, đáp ứng quyền tiếp cận thông tin của nhân dân, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của đất nước.

Tuyên truyền các mô hình hay, gương người tốt việc tốt, cách làm mới và hiệu quả, góp phần truyền cảm hứng tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp. Kịp thời phản bác, chấn chỉnh, đấu tranh với các luận điệu sai trái; triệt phá, dỡ bỏ các thông tin xấu, không đúng sự thật; từng bước tạo văn hóa số trên môi trường mạng. Tăng cường và đổi mới công tác quản lý báo chí, xây dựng đội ngũ nhân lực báo chí chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại.

Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2025; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của tỉnh Lâm Đồng./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH_(Thảo).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Ngọc Hiệp